

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CXD2 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067101708 - V t l ấ L i c ng 2 H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V i T c N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671030355	36CXD2	H Tu n	Anh	26/09/1993				6.0			6.0	1.8	3.8	2.7	4.5	
2	3671030327	36CXD2	Tr ấ Qu c	B o	04/07/1994				6.0			6.0	1.8	3.3	2.3	4.1	
3	3671030488	36CXD2	Tr n Minh	B o	03/10/1994				5.0			5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	
4	3671031943	36CXD2	B ầ i Hòa	B ầ i nh	08/09/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
5	3671030472	36CXD2	V ấ V ấ	C ng	30/03/1994				5.0			5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	
6	3671050415	36CXD2	Nguy n H V ồ	C ng	05/12/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
7	3671030398	36CXD2	Nguy n Duy	Ch ầ u	24/06/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
8	3671032034	36CXD2	Nguy n Th ầ nh	D ồ n	20/05/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
9	3671031851	36CXD2	Ch ầ u Quang	ấ i	15/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
10	3671030330	36CXD2	Nguy n Hu ầ nh	ấ o ầ nh	06/10/1994				5.0			5.0	1.5	4.5	3.2	4.7	
11	3671030337	36CXD2	Nguy n Th ầ nh	ấ ng	21/09/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
12	3671030409	36CXD2	Nguy n Ph ấ c	H u	14/10/1994				5.0			5.0	1.5	2.8	2.0	3.5	
13	3671030404	36CXD2	Tr nh Nam	H i p	28/07/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
14	3671030331	36CXD2	Hu ầ nh Ng c Thanh	Ho ầ ng	23/02/1994				6.0			6.0	1.8	4.3	3.0	4.8	
15	3671031860	36CXD2	Nguy n Duy Huy	Ho ầ ng	10/04/1994				7.0			7.0	2.1	2.0	1.4	3.5	
16	3671030376	36CXD2	Tr n Huy	Ho ầ ng	14/08/1994				5.0			5.0	1.5	5.5	3.9	5.4	
17	3671030324	36CXD2	D ng Th	Hu ầ nh	08/12/1994				6.0			6.0	1.8	2.3	1.6	3.4	
18	3671030497	36CXD2	ấ o ầ nh Minh	Khoa	05/12/1994				9.0			9.0	2.7	4.3	3.0	5.7	
19	3671030496	36CXD2	Phan Quang	Khoa	07/06/1992				6.0			6.0	1.8	3.0	2.1	3.9	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CXD2 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067101708 - V t l ấ L i c ng 2 H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V i T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671030416	36CXD2	V H Ng c L ấ m	10/07/1993				5.0			5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	
21	3671030449	36CXD2	Ph m V ấ h L ấ nh	12/09/1994				6.0			6.0	1.8	3.3	2.3	4.1	
22	3671030319	36CXD2	L ê Ho ấ ng S ấ	22/04/1994				8.0			8.0	2.4	5.5	3.9	6.3	
23	3671030485	36CXD2	Nguy n Ho ấ S n	18/01/1994				7.0			7.0	2.1	1.8	1.3	3.4	
24	3671030361	36CXD2	H u ấ nh Tr ấ T ấ i	22/03/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
25	3671030399	36CXD2	L u Thanh T ấ i	07/03/1994				5.0			5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	
26	3671030518	36CXD2	Nguy n V ấ h T nh	04/06/1994				8.0			8.0	2.4	2.5	1.8	4.2	
27	3671030516	36CXD2	V ô Thanh To ấ n	28/11/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
28	3671030349	36CXD2	Nguy n Th ấ i Anh Tu n	02/04/1993				7.0			7.0	2.1	3.5	2.5	4.6	N HP
29	3671030491	36CXD2	H ấ Chí Th ấ nh	17/06/1994				6.0			6.0	1.8	6.3	4.4	6.2	
30	3671030352	36CXD2	Tr n Ngh ấ Th o	14/10/1993				8.0			8.0	2.4	3.0	2.1	4.5	
31	3671030510	36CXD2	L ấ V ấ h Tr ấ i	23/12/1994				6.0			6.0	1.8	3.3	2.3	4.1	
32	3671030356	36CXD2	Nguy n Anh V i t	10/08/1991				6.0			6.0	1.8	3.8	2.7	4.5	
33	3671030458	36CXD2	Tr n C ấ ng V ấ nh	10/03/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
34	3671030379	36CXD2	Mai V ấ h V ấ o	10/05/1993				6.0			6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	
35	3671030478	36CXD2	V ấ ấ V ấ h V ng	15/12/1994				5.0			5.0	1.5	4.3	3.0	4.5	

T ng s : 35 h c sinh sinh v i ấ n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa

G i ấ o V i ấ n B M ấ n

G i ấ o V Khoa